

NGHỊ QUYẾT 15 BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHÓA II

CON ĐƯỜNG DẪN TỚI ĐỒNG KHỞI Ở MIỀN NAM

PGS, TS **VŨ QUANG HIỂN**
Đại học Quốc gia Hà Nội

Tóm tắt: Trong bối cảnh quốc tế có những diễn biến phức tạp, nhất là tác động tiêu cực của xu thế hòa hoãn và yêu cầu phải có một biện pháp quyết liệt để đưa cách mạng miền Nam tiến lên, Ban Chấp hành Trung ương (BCHTW) Đảng Lao động Việt Nam họp Hội nghị 15, nhằm giải quyết mối quan hệ giữa đất nước và thời đại, giữa dân tộc và quốc tế, khẳng định con đường phát triển của cách mạng miền Nam. Nghị quyết 15 là một quyết định lịch sử, trực tiếp soi sáng con đường dẫn tới phong trào Đồng khởi, chuyển cách mạng miền Nam từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công, từ khởi nghĩa từng phần tiến lên chiến tranh cách mạng.

Từ khóa: Đồng khởi; Nghị quyết 15; Cách mạng miền Nam; Mỹ - Diệm.

Ngày nhận bài: 8/11/2019; **Ngày phản biện:** 25/11/2019; **Ngày duyệt đăng:** 9/12/2019.

Từ yêu cầu phải có một biện pháp quyết liệt để đưa cách mạng miền Nam tiến lên...

Với việc ký kết và phía Việt Nam thi hành nghiêm Hiệp định Giơnevơ (1954) về việc chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam, nhất là những điều khoản về tập kết, chuyển quân theo khu vực quy định, so sánh lực lượng ở miền Nam thay đổi không có lợi cho cách mạng.

Mỹ thay chân Pháp nhằm chia cắt lâu dài Việt Nam, biến miền Nam thành thuộc địa kiểu mới và căn cứ quân sự, làm bàn đạp hòng ngăn chặn sự phát triển của phong trào cách mạng ở Đông Nam châu Á. Nhân dân Việt Nam phải trực tiếp đối đầu với một đế

quốc có tiềm lực kinh tế và quân sự mạnh nhất thế giới, có chiến lược toàn cầu, mà trọng tâm của nó trong thời kỳ 1954-1975 là Việt Nam.

Đế quốc Mỹ ra sức xây dựng và củng cố bộ máy chính quyền và quân đội Sài Gòn làm công cụ để thi hành chính sách thực dân mới. Các lực lượng quân sự, cảnh sát, gián điệp và hành chính từ Trung ương đến địa phương đều tập trung chiếm đất, giành dân bằng sự kết hợp các thủ đoạn dụ dỗ, lừa bịp với đàn áp, khủng bố. Chúng ráo riết mở các chiến dịch “tố Cộng”, “diệt Cộng”, lập “khu trù mật”, “khu dinh điền” nhằm đánh vào cơ sở của Đảng Cộng sản (ĐCS), trả thù những người kháng chiến cũ; đàn áp các tầng lớp

nhân dân đấu tranh đòi thi hành nghiêm chỉnh Hiệp định Giơnevơ. Ngay trong năm 1954, chúng đã gây ra nhiều vụ thảm sát đẫm máu ở Mỏ Cày, Bình Đại (Bến Tre); Chợ Đước (Quảng Nam); Ngân Sơn, Chí Thạnh (Phú Yên). Trong vòng 10 tháng (7/1955 - 5/1956), chúng đã bắt và giết hàng trăm nghìn người.

Đặc điểm tình hình cách mạng miền Nam có sự thay đổi lớn: cách mạng tuy có ưu thế về chính trị và lực lượng quần chúng đông đảo nhưng không còn lực lượng vũ trang, không còn chính quyền; kẻ thù nắm sức mạnh về kinh tế và quân sự, có trong tay cả bộ máy chính quyền và quân đội đồ sộ. Trong tương quan lực lượng đó, trước mắt nhân dân miền Nam phải thay đổi phương thức đấu tranh: từ đấu tranh quân sự trong kháng chiến chống Pháp sang đấu tranh chính trị hòa bình. Hàng trăm tổ chức quần chúng công khai, trong đó có các ủy ban đấu tranh đòi hòa bình được thành lập. Khắp nơi diễn ra những cuộc đấu tranh về ruộng đất, về tự do, dân chủ, làm áp lực đòi thi hành Hiệp định Giơnevơ, đòi hiệp thương tổng tuyển cử tự do để thống nhất đất nước, chống trung cầu dân ý, chống bầu cử quốc hội riêng rẽ ở miền Nam... Những phong trào đó đã huy động hàng triệu người từ Quảng Trị tới Cà Mau, lôi kéo cả đồng bào theo đạo Cao Đài, Hòa Hảo, Công giáo, Phật giáo..., phối hợp giữa thành thị với nông thôn, đấu tranh với nhiều hình thức từ hợp pháp đến bất hợp pháp như: mít tinh, biểu tình tuần hành, bãi công, bãi thị, kiến nghị, rải truyền đơn, treo băng, cờ, biểu ngữ,...

Nhận định về tình hình cách mạng miền Nam khi đó, Đảng Lao động Việt Nam đánh

giá: “Những khuyết điểm của ta trong lúc ấy là thiếu chuẩn bị đầy đủ tư tưởng trong cán bộ và quần chúng cho một cuộc đấu tranh cách mạng gian khổ và lâu dài làm cho quần chúng và cán bộ ỷ lại vào cái mốc thời gian đã quy định trong Hiệp định Giơnevơ. Nhiều nơi lãnh đạo đấu tranh với tất cả khí thế của kẻ chiến thắng, không chuẩn bị thế thủ thích hợp với tương quan lực lượng mới, đã để phong trào kéo dài, không biết kết thúc đúng lúc làm cho quần chúng đấu tranh găng với địch, cơ sở ta bị bộc lộ. Do đó, như ở trung châu Liên khu 5, khi địch tấn công lại ta, chúng đánh trúng cơ sở của ta, cán bộ và quần chúng hoang mang, phong trào sa sút”⁽¹⁾.

Từ giữa năm 1956, phong trào đấu tranh cách mạng ngày càng quyết liệt.

Cuộc đấu tranh *gay go, ác liệt nhất* là chống “tố Cộng”. Để giữ gìn lực lượng và duy trì hoạt động trong điều kiện bị quân địch khủng bố dã man, các đảng bộ ở miền Nam đã sắp xếp lại tổ chức và rút vào hoạt động bí mật. Nhiều địa phương chủ trương “điều” (cán bộ đã bị lộ đi hoạt động ở địa phương khác) và “lảng” (cán bộ tạm thời rút vào hoạt động bí mật), kiên trì bám dân, bám đất, lãnh đạo phong trào. Cán bộ và nhân dân miền Nam đã phấn đấu kiên cường và hy sinh vô cùng anh dũng.

Sôi nổi, mạnh mẽ và rộng rãi nhất là phong trào chống quân địch, chống bắt lính. Nhiều nơi, quần chúng tranh thủ được sự đồng tình của binh lính tại ngũ. Có nơi quần chúng kéo hàng nghìn người lên huyện, tỉnh đấu tranh.

⁽¹⁾ Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 20, Nxb CTQG, H, 2002, tr.43-44.

Giăng co, gay go, quyết liệt là phong trào chống địch duổi làng, chiếm đất, dồn dân để lập căn cứ quân sự, làm đường chiến lược, hoặc phá căn cứ cũ của cách mạng.

Phổ biến, bền bỉ và liên tục là phong trào đấu tranh cho những quyền lợi dân sinh, dân chủ hàng ngày. Ở thành thị, quần chúng đấu tranh chống khủng bố nghiệp đoàn, chống sa thải; đòi tăng lương, cải thiện chế độ làm việc; đòi hạn chế ngoại hóa, bảo vệ nội hóa, đòi thực hiện chương trình học bằng tiếng mẹ đẻ, chống văn hóa nô dịch. Ở thôn quê, có những cuộc đấu tranh chống cướp đất, tăng tô thuế, luật lệ hà khắc...

Hình thức *đấu tranh chính trị có vũ trang tự vệ* xuất hiện. Do những hành động tàn bạo của đối phương, yêu cầu vũ trang chống khủng bố ngày càng trở nên cấp thiết. Nhiều nơi quần chúng lấy vũ khí chôn giấu từ trước, cướp súng địch, dùng vũ khí tự tạo để tự vệ, tiêu diệt những phần tử ác ôn. Tại Chiến khu Đ, Đại đội 250 - đơn vị vũ trang đầu tiên được thành lập (10/1957). Đến cuối năm 1957, ở Nam Bộ có 37 đại đội vũ trang, ở Liên khu 5 nhiều đội vũ trang ra đời. Một số trận đánh đã diễn ra ở Thủ Dầu Một và Biên Hòa. Cùng với lực lượng chính trị được bảo tồn, lực lượng vũ trang và căn cứ địa cách mạng được xây dựng lại ở nhiều nơi. Đó là điều kiện để tiếp tục đưa cách mạng tiến lên.

Từ năm 1958, chính quyền Sài Gòn càng tăng cường khủng bố, liên tiếp mở các cuộc hành quân càn quét, dồn dân quy mô lớn vào các trại tập trung. Ngô Đình Diệm tuyên bố “đặt miền Nam trong tình trạng chiến tranh” (3/1959), ra Luật 10/59 (6/5/1959), lê máy chém khắp miền Nam. Tòa án quân sự đặc biệt của chúng không ngần ngại đưa người bị bắt ra xét xử và bắn tại chỗ.

Những chính sách khủng bố tàn bạo của kẻ thù chứng tỏ sự thất bại của “Chiến lược Aixenhao”, thất bại của chính sách thực dân mới điển hình của Mỹ thực thi ở miền Nam, làm cho mâu thuẫn giữa nhân dân miền Nam với đế quốc Mỹ và tay sai càng thêm gay gắt, và tất yếu dẫn đến những hành động quyết liệt của quần chúng. Một số cuộc nổi dậy có vũ trang đã nổ ra nhiều nơi như: Tà Lóc, Tà Léc (Bình Định), Vĩnh Thạnh (Tây Ninh), Bác Ái (Ninh Thuận), Trà Bồng (Quảng Ngãi), Gò Quản Cung, Gò Măng Đa (Đồng Tháp)... Từ đấu tranh chính trị, phong trào cách mạng miền Nam đã phát triển thành đấu tranh chính trị có vũ trang tự vệ; có nơi, có lúc rất quyết liệt. “Một mặt đó là yêu cầu chính trị của quần chúng đang rất khao khát độc lập, tự do, và thống nhất nước nhà và đó cũng là yêu cầu tiếp tục nhiệm vụ cách mạng của quần chúng đang làm trong kháng chiến. Một mặt khác đó là phản ứng tất yếu của nhân dân để bảo vệ quyền sống hằng ngày đang bị chà đạp dưới chế độ độc tài phát xít của Mỹ - Diệm”⁽¹⁾.

Các phong trào đấu tranh ngày càng quyết liệt chứng tỏ nhân dân miền Nam không thể chịu đựng được ách thống trị của đế quốc Mỹ và chính quyền Sài Gòn thêm nữa, đã đến lúc phải đưa cách mạng miền Nam tiến lên hình thức đấu tranh cao hơn.

... Đến yêu cầu phải làm yên lòng bạn bè quốc tế do tác động của xu thế hòa hoãn

Tháng 7/1953, cuộc chiến tranh Triều Tiên, mà thực chất là một cuộc đọ sức giữa hai phe, kết thúc mà không phân thắng bại. Các nước lớn đều cho rằng tương quan lực lượng giữa hai phe đang ở thế cân bằng.

⁽¹⁾ Văn kiện Đảng toàn tập, tập 20, Sdd, tr.43.

Xu thế hòa hoãn xuất hiện. Họ muốn giữ nguyên trạng bản đồ chính trị quốc tế. Các cuộc chiến tranh ở Triều Tiên (1950-1953) và Đông Dương (1945-1954) chấm dứt, làm cho những điểm nóng ở châu Á có liên quan tới các nước lớn và hai phe tạm thời được giải quyết, nhưng trên thế giới, Chiến tranh Lạnh và chạy đua vũ trang vẫn diễn ra gay gắt. Ở châu Âu, khối Vácsava được thành lập (1955) đối lập với khối NATO. Liên Xô phóng thành công vệ tinh nhân tạo (1957), tạo ra “cuộc khủng hoảng Sputnik”.

Bối cảnh quốc tế hết sức phức tạp, không thuận lợi cho cách mạng Việt Nam. Một số ĐCS ở các nước xã hội chủ nghĩa (XHCN) muốn giữ tình trạng chia cắt hai miền Nam, Bắc, không tán thành đấu tranh vũ trang ở miền Nam.

Mặc dù trong nửa đầu những năm 50 của thế kỷ XX, quan hệ Xô - Trung khá mật thiết, nhưng cũng đã bao chứa những yếu tố bất đồng. Khi lãnh đạo Liên Xô điều chỉnh đường lối, phê phán Xtalin (1956), mâu thuẫn Xô - Trung xuất hiện và bộc lộ ngày càng rõ rệt. Sự bất đồng ngày càng lớn, dẫn tới việc Liên Xô rút toàn bộ chuyên gia và cắt giảm sự hỗ trợ về kinh tế và quân sự cho Trung Quốc. Về sau, hai ban lãnh đạo Liên Xô và Trung Quốc công khai lên án lẫn nhau nhau gay gắt. Trong tình hình ấy, Việt Nam không thể hy vọng vào sự đồng thuận Trung - Xô như một sự hợp sức giữa hai nước XHCN lớn nhất và cũng chưa thể hình thành sự thống nhất hành động trong phe XHCN để giúp đỡ cách mạng Việt Nam. Vấn đề chỉ có thể làm là tranh thủ sự giúp đỡ của từng nước.

Trung Quốc đang phải tập trung thực hiện kế hoạch 5 năm và giải quyết những công việc nội bộ, e ngại việc Mỹ có thể tiếp tục can thiệp trực tiếp vào khu vực, làm cho tình hình căng thẳng và đe dọa an ninh của Trung Quốc. Theo quan điểm của các nhà lãnh đạo Trung Quốc, việc thống nhất nước Việt Nam không phải là việc làm trong thời gian ngắn, mà phải trường kỳ; không thể dùng phương pháp đấu tranh vũ trang, vì vấn đề trong phe XHCN là phải giữ đường biên giới hiện có. Trung Quốc tích cực giúp đỡ công cuộc xây dựng miền Bắc, nhưng chưa thể ủng hộ đấu tranh vũ trang ở miền Nam, vì nếu như chiến tranh nổ ra, Mỹ sẽ can thiệp bằng quân sự. Hạm đội 7 của Mỹ ở Thái bình Dương có thể liều lĩnh tiến công và do đó, an ninh, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của Trung Quốc sẽ bị đe dọa. Theo quan điểm của Trung Quốc, Hiệp định Giơnevơ đã tạo ra tiền đề chính trị tốt hơn cho Việt Nam so với tình hình Đức và Triều Tiên, Việt Nam đã giành được thế chủ động. Miền Bắc có thể xây dựng chủ nghĩa xã hội và kinh qua đấu tranh lâu dài để ảnh hưởng và tranh thủ miền Nam.

Cũng như Trung Quốc, Liên Xô giúp đỡ Việt Nam thực hiện các kế hoạch ba năm 1955-1957 và 1958-1960 ở miền Bắc, nhưng không ủng hộ đấu tranh vũ trang ở miền Nam. Đại hội XX của ĐCS Liên Xô (1956) nhận định: 1- Tất cả các cuộc xung đột trên thế giới đều có thể giải quyết bằng cách thương lượng hòa bình; 2- Phong trào cách mạng trong nhiều nước có thể tiến triển hòa bình được. Đại hội đề ra đường lối “tam hòa” (“cùng tồn tại hòa bình”, “quá độ hòa bình”, “thi đua hòa bình”) và chương trình đuổi kịp và vượt Mỹ trong thời gian ngắn nhất về sản xuất sản phẩm tính theo đầu người.

Trọng tâm chiến lược của Liên Xô là châu Âu, tập trung củng cố Đông Âu. Vì lợi ích của mình, Liên Xô coi nhiệm vụ chiến lược hàng đầu là thực hiện hòa hoãn Đông - Tây, tránh đối đầu với Mỹ, giữ nguyên trạng châu Âu và nguyên trạng Thế giới, tranh thủ vốn và kỹ thuật của Mỹ và các nước phương Tây, tạo điều kiện quốc tế thuận lợi để xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Mặc dù ủng hộ việc khôi phục kinh tế và xây dựng miền Bắc Việt Nam, nhưng trong những năm 1954-1959, trong quan hệ với Việt Nam, Liên Xô có phần dè dặt, thận trọng hơn so với quan hệ với các nước khác. Tháng 3/1950, Hội Hữu nghị Việt - Xô được thành lập, nhưng mãi đến tháng 7/1958, Hội Hữu nghị Xô - Việt mới ra đời. Tổng Bí thư Ủy ban Trung ương ĐCS Liên Xô Khorútsốp đến thăm Ấn Độ, Miến Điện và Apganixtan (12/1955) và hai lần tới thăm Trung Quốc (8/1958 và 10/1959), nhưng không tới thăm Việt Nam. Tháng 5/1957, Đoàn đại biểu Xôviết tối cao Liên Xô do Chủ tịch Vôrôsilốp dẫn đầu đi thăm Indônêxia trước khi thăm Việt Nam. Tháng 2/1957, Bộ trưởng Quốc phòng Liên Xô cũng đi thăm Miến Điện và Ấn Độ, nhưng không tới Việt Nam. Điều đáng quan tâm là các phương tiện thông tin đại chúng của Liên Xô không trực tiếp lên án những hành động của Mỹ và chính quyền do Mỹ xây dựng ở miền Nam Việt Nam.

Chủ trương của Liên Xô là giữ nguyên trạng Việt Nam; tập trung xây dựng miền Bắc vững mạnh để động viên đấu tranh chính trị, giải quyết vấn đề miền Nam thông qua con đường thương lượng hòa bình.

Trong lúc Mỹ công khai tuyên bố ngăn chặn chủ nghĩa cộng sản lan xuống

Đông Nam Á; xu thế hòa bình, trung lập phát triển ở nhiều nơi, cả Liên Xô và Trung Quốc đều lo sợ “đốm lửa làm cháy cả khu rừng”, chiến tranh nổ ra ở miền Nam Việt Nam có thể lan rộng thành chiến tranh thế giới.

Từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai, nguyện vọng lớn của nhân dân thế giới là hòa bình. Xu hướng chung là không làm thay đổi bàn cờ chính trị quốc tế. Ngoài Việt Nam, trên thế giới còn có nhiều quốc gia bị chia cắt (Đức, Trung Quốc, Triều Tiên), nhưng do quan niệm cân bằng quyền lực, không ở đâu có chủ trương tiến hành đấu tranh cách mạng để thống nhất đất nước. Mặc dù trong phe XHCN có những bất đồng, nhưng vẫn còn giữ được sự thống nhất, đặc biệt là vấn đề bảo vệ hòa bình, vì càng tranh thủ giữ vững hòa bình được lâu dài thì càng có điều kiện thuận lợi để tăng cường mau chóng lực lượng. Tháng 11/1957, Hội nghị 64 ĐCS họp tại Mátxcova ra tuyên bố kêu gọi nhân dân thế giới đấu tranh chống nguy cơ chiến tranh: “Ngày nay, đấu tranh cho hòa bình và cho sự chung sống hòa bình đã trở thành yêu cầu của những tầng lớp quần chúng đông đảo nhất ở tất cả các nước trên thế giới. Các ĐCS coi cuộc đấu tranh cho hòa bình là nhiệm vụ hàng đầu của mình. Cùng tất cả các lực lượng yêu chuộng hoà bình, các ĐCS sẽ làm tất cả mọi việc theo khả năng của mình để ngăn ngừa chiến tranh”⁽¹⁾.

Vấn đề đặt ra lúc đó là phải giải quyết mối quan hệ giữa đất nước và thời đại, giữa lợi ích của dân tộc Việt Nam với lợi ích của phe XHCN; làm sao để đưa cách mạng Việt

⁽¹⁾ Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 21, Nxb CTQG, H, 2002, tr.621-622.

Nam tiến lên, nhưng vẫn đáp ứng nguyện vọng hòa bình của nhân dân thế giới.

Phải tìm được phương pháp đấu tranh thích hợp để vừa đẩy mạnh phong trào cách mạng miền Nam, hạn chế tổn thất, vừa bảo vệ được miền Bắc, bảo vệ hệ thống XHCN và bảo vệ hòa bình thế giới. Bối cảnh quốc tế đòi hỏi Đảng Lao động Việt Nam phải phát huy cao độ tinh thần độc lập, tự chủ và sáng tạo để xác định đường lối và phương pháp cách mạng của mình.

Nghị quyết 15 - Con đường dẫn tới phong trào Đồng khởi

Mặc dù Nghị quyết của Bộ Chính trị (6/1956) đã xác định đấu tranh chính trị “không có nghĩa là tuyệt đối không dùng vũ trang tự vệ trong những hoàn cảnh nhất định hoặc không tận dụng những lực lượng vũ trang của các giáo phái chống Diệm”⁽¹⁾, Bí thư Xứ ủy Nam Bộ Lê Duẩn viết *Đề cương cách mạng miền Nam* (8/1956) và tiếp đó, có dự kiến phải nâng cao hình thức đấu tranh, nhưng do điều kiện thực tế cũng chưa đề ra được những biện pháp cụ thể, thích đáng để đối phó có hiệu quả với kẻ thù, giảm bớt tổn thất của quân chúng. Những khó khăn và tổn thất của cách mạng ở miền Nam kéo dài trong nhiều năm, nhất là hai năm 1957 và 1958 “chủ yếu là do về mặt chỉ đạo đấu tranh cách mạng, Đảng ta chưa tìm ra được phương pháp và hình thức thích hợp để quần chúng chống trả địch một cách có hiệu quả”⁽²⁾.

⁽¹⁾ Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 17, Nxb CTQG, H, 2002, tr.225.

⁽²⁾ Ban Chỉ đạo Tổng kết chiến tranh trực thuộc Bộ Chính trị, *Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước - Thắng lợi và bài học*, Nxb CTQG, H, 1996, tr.43.

Tháng 10/1956, Bộ Chính trị họp nhận thấy: “Trong sự chỉ đạo phong trào miền Nam, Trung ương đã không nắm vững phương châm giữ gìn lực lượng từ lúc đầu, cho nên trong việc chấn chỉnh tổ chức của Đảng sau khi rút quân, cũng như trong sự chỉ đạo đấu tranh qua một thời kỳ khá dài, lực lượng ta đã bị bộc lộ ở một số địa phương, do đó đã bị tổn thất [...] Vì nhận định không sâu sắc bản chất cách mạng của nhiệm vụ thống nhất nước nhà, nên sự lãnh đạo của Trung ương đã nặng về đấu tranh pháp lý, đấu tranh để thi hành Hiệp định Giơnevơ. Cuộc đấu tranh về pháp lý, về ngoại giao là rất quan trọng..., nhưng nếu không nhận rõ nó chỉ là một mặt của toàn bộ cuộc đấu tranh cách mạng thì dễ sinh ra lệch lạc, khi thì chủ quan, khi thì bi quan”⁽³⁾.

Hình thức đấu tranh chính trị có vũ trang tự vệ đã tỏ ra không đủ mạnh để đối phó có hiệu quả với địch và tạo chuyển biến cơ bản tình hình miền Nam. Trên cơ sở đúc kết kinh nghiệm thực tiễn đấu tranh của đồng bào, chiến sĩ miền Nam trong hơn 4 năm đầy cam go và nghiên cứu những kiến nghị khẩn thiết của một số cấp ủy đảng và nhiều cán bộ, đảng viên, Bộ Chính trị đã dành nhiều công sức, trí tuệ chuẩn bị một giải pháp cơ bản cho cách mạng miền Nam để trình BCHTW Đảng.

Tháng 1/1959, BCHTW Đảng họp Hội nghị lần thứ 15 do Chủ tịch Hồ Chí Minh chủ trì. Hội nghị xác định nhiệm vụ chiến lược chung của cách mạng cả nước, con đường tiến lên của cách mạng miền Nam, mối quan hệ giữa hai chiến lược cách mạng ở hai miền,

⁽³⁾ *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 17, Sdd, tr.424.

quan hệ giữa cách mạng Việt Nam và cách mạng thế giới, nhằm giải phóng miền Nam, bảo vệ miền Bắc, thống nhất đất nước, góp phần tăng cường phe XHCN, thúc đẩy phong trào cách mạng và bảo vệ hòa bình thế giới.

Về phương pháp cách mạng ở miền Nam, Nghị quyết của Hội nghị nhấn mạnh những nội dung cơ bản sau:

Thứ nhất, khẳng định “ngoài con đường cách mạng, nhân dân miền Nam không có con đường nào khác để tự giải phóng khỏi xiềng xích nô lệ”⁽¹⁾.

Thứ hai, sử dụng bạo lực cách mạng của quần chúng, khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân. Nghị quyết khẳng định “con đường phát triển cơ bản của cách mạng Việt Nam ở miền Nam là khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân [...] lấy sức mạnh của quần chúng, dựa vào lực lượng chính trị của quần chúng là chủ yếu, kết hợp với lực lượng vũ trang để đánh đổ quyền thống trị của đế quốc và phong kiến, dựng lên chính quyền cách mạng của nhân dân”⁽²⁾.

Thứ ba, dự báo khả năng tiến hành chiến tranh cách mạng lâu dài nhưng cuối cùng nhất định thắng lợi. Nghị quyết nhận định rằng, đế quốc Mỹ là đế quốc hiếu chiến nhất, cho nên trong những điều kiện nào đó, cuộc khởi nghĩa của nhân dân miền Nam cũng có khả năng “chuyển sang một cục diện mới: đó là chiến tranh trường kỳ giữa ta và địch, và thắng lợi cuối cùng nhất định về ta”⁽³⁾.

Để tập hợp lực lượng cách mạng, Nghị quyết 15 chỉ rõ: “Cách mạng Việt Nam ở

miền Nam hiện nay là cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, cho nên mặt trận ở miền Nam hiện nay có tính chất dân tộc dân chủ, nhằm tập hợp tất cả các lực lượng chống đế quốc và phong kiến”. Thành phần của mặt trận hết sức rộng rãi, bao gồm các giai cấp công nhân, nông dân, tiểu tư sản, tư sản dân tộc và những nhân sĩ yêu nước, lấy liên minh công nông làm cơ sở và do Đảng lãnh đạo. Đối với địa chủ và tư sản mại bản, Đảng chủ trương “phân hóa cao độ, lôi kéo những phần tử chống Mỹ - Diệm, trung lập những phần tử lừng chùng, để cô lập hơn nữa bọn tư sản mại bản thân Mỹ và bọn địa chủ phản động nhất, ngoan cố theo Mỹ - Diệm”⁽⁴⁾.

Mặt trận ở miền Nam phải “đoàn kết tất cả các dân tộc đa số và thiểu số, các đảng phái, các tôn giáo và những cá nhân yêu nước, đoàn kết với ngoại kiều, đặc biệt là Hoa kiều; không phân biệt chủng tộc, tôn giáo, chính kiến, điều cốt yếu là chống Mỹ - Diệm, tán thành tự do dân chủ, cải thiện dân sinh và hòa bình thống nhất Việt Nam. Phải tranh thủ đoàn kết mọi người có thể đoàn kết được, phải trung lập mọi người có thể trung lập được, kể cả những người có ít nhiều khuynh hướng chống Mỹ - Diệm trong chính quyền miền Nam, đặc biệt chú ý những tầng lớp bên dưới trong các cơ quan hành chính và quân đội miền Nam”⁽⁵⁾.

“Mặt trận ở miền Nam cần phải có một bản cương lĩnh cụ thể, và phải đề ra những khẩu hiệu thiết thực, phù hợp với tình hình từng nơi, từng lúc để động viên và tập hợp quảng đại quần chúng, thống nhất hành động

⁽¹⁾ Văn kiện Đảng toàn tập, tập 20, Sđd, tr.82.

⁽²⁾ Văn kiện Đảng toàn tập, tập 20, Sđd, tr.82.

⁽³⁾ Văn kiện Đảng toàn tập, tập 20, Sđd, tr.85.

⁽⁴⁾ Văn kiện Đảng toàn tập, tập 20, Sđd, tr.87-88.

⁽⁵⁾ Văn kiện Đảng toàn tập, tập 20, Sđd, tr.88.

chống Mỹ - Diệt trong mọi trường hợp cụ thể, từ thấp đến cao”⁽¹⁾.

Khi cả miền Nam tràn ngập trong nước sôi, lửa bỏng kéo dài suốt những năm 1955-1958, “Đảng đã chậm tìm ra phương pháp đấu tranh chuyển thế, để địch thắng tay khủng bố, tàn sát, gây tổn thất không kể xiết cho nhân dân miền Nam, đưa cách mạng miền Nam vào tình trạng rất hiểm nghèo”. Tuy nhiên, “trong bối cảnh quốc tế vô cùng phức tạp, trong hoàn cảnh cách mạng miền Nam đang chuyển giai đoạn đấu tranh, ta lại chưa nắm vững hết tình hình âm mưu địch cũng như so sánh lực lượng giữa ta và địch, thì việc xác định đường lối cách mạng và phương pháp đấu tranh không phải là điều giản đơn, có thể giải quyết trong một sớm một chiều”⁽²⁾. Nghị quyết 15 là một quyết sách vô cùng quan trọng và có tác dụng chỉ đạo vô cùng to lớn đối với phong trào cách mạng miền Nam.

Với trận địa và lực lượng cách mạng được bảo tồn, dưới ánh sáng Nghị quyết 15, cuộc khởi nghĩa từng phần ở nông thôn miền Nam có đà phát triển ngày càng rộng lớn (cuối năm 1959 và năm 1960). Phong trào Đồng khởi đã làm tan rã bộ máy chính quyền cơ sở của địch ở nhiều nơi. Chính quyền tự quản của nhân dân được thành lập ở 1.383/2.627 xã. Vùng giải phóng hình thành và nối liền từ Tây Nguyên đến miền Tây Nam Bộ và đồng bằng Liên khu 5. Thắng lợi của phong trào Đồng khởi đã thúc đẩy mạnh mẽ phong trào đấu tranh ở đô thị và các đồn điền, nhà máy. Từ thắng lợi của phong trào Đồng khởi,

Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam được thành lập (20/12/1960). Cách mạng miền Nam đã có một tổ chức chính trị để tập hợp rộng rãi quần chúng nhân dân, đoàn kết đấu tranh thực hiện Chương trình hành động 10 điểm mà nội dung cơ bản là đánh đổ ách thống trị của đế quốc Mỹ và tay sai, xây dựng một miền Nam Việt Nam độc lập, dân chủ, hoà bình, trung lập, tiến tới hoà bình thống nhất Tổ quốc.

Như vậy, Nghị quyết Hội nghị lần thứ 15 BCHTW Đảng không những khẳng định bước đi trước mắt, mà còn chỉ ra khả năng và phương hướng phát triển lâu dài của cách mạng miền Nam; trực tiếp soi sáng cho phong trào Đồng khởi, được đồng bào và chiến sĩ miền Nam đón nhận như một chân lý của chính mình. Dưới ánh sáng của Nghị quyết 15, phong trào Đồng khởi đã diễn ra sôi nổi, rộng khắp, làm lung lay tận gốc rễ bộ máy chính quyền địch, chuyển cách mạng miền Nam từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công một cách kiên quyết và liên tục để từng bước tiến lên hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Chỉ đạo Tổng kết chiến tranh trực thuộc Bộ Chính trị (1996), *Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước - Thắng lợi và bài học*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam (2002), *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 17, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
3. Đảng Cộng sản Việt Nam (2002), *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 20, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
4. Đảng Cộng sản Việt Nam (2002), *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 21, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

⁽¹⁾ Văn kiện Đảng toàn tập, tập 20, Sđd, tr.89.

⁽²⁾ Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước - Thắng lợi và bài học, Sđd, tr.48.